

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

--***--

Bản án số: 11/2022/HSST
Ngày: 24/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn T.**

* Hội thẩm nhân dân: - Bà **Lê Thị O.**

- Ông **Đàm Trọng Tùng A.**

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **K**: Bà **Đặng Thị H.** - Kiểm sát viên.

* Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị H.** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện **K.**

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện **K**, tỉnh **H** xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 115/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn P, sinh năm 1981; Tên gọi khác: Không có; Nơi cư trú: Thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12, Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông: Nguyễn Văn P (Đã chết) và con bà: Phan Thị K, sinh năm 1938; Anh chị em ruột: gia đình có 04 người, bị cáo là con út; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2017

Tiền án, tiền sự: chưa có

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/10/2021, đến ngày 04/10/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị can đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Bị hại:

Ông **Bùi Văn C**, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn B, xã T, huyện K, tỉnh H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1988

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1985

3. Ông **Đỗ Đình T**, sinh năm 1983

Đều trú tại: Thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh H

4. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985

Trú tại: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh H.
(tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 28/9/2021, Nguyễn Văn P sinh năm 1981 đi từ nhà ở thôn Q, xã M, huyện Y đến khu vực cánh đồng thuộc thôn B, xã T, huyện K để trông coi đàn vịt (loại vịt bơ) của gia đình. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, P thấy đàn vịt (loại vịt trời) của gia đình anh Bùi Văn C, sinh năm 1969 ở thôn B, xã T đang bơi gần khu chăn nuôi vịt nhà P. Biết gia đình anh C thường xuyên không trông coi vịt vào ban đêm nên P nảy sinh ý định trộm cắp đàn vịt nhà anh C để bán lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện được mục đích của mình, P chuẩn bị 01 lồng sắt kích thước dài 01 m, rộng 60 cm, cao 22 cm gắn sau yên xe mô tô Jupier biển số 89K1 – 5584. Sau đó, P dùng quây sắt lửa đàn vịt trời nhà anh C vào bên trong rồi bắt các con vịt trời cho vào lồng sắt. Khi số vịt đã đầy lồng, P điều khiển chiếc xe mô tô biển số 89K1 – 5584 chở vịt đến nhà anh Đỗ Đình T sinh năm 1983 ở khu vực gầm cầu cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, thuộc địa phận thôn T, xã L, huyện Y. Tại đây, P nói với anh T “*Cho chú gửi mấy con vịt của gia đình*”, anh T không biết đó là vịt do P trộm cắp nên đồng ý. Sau đó, P tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô nêu trên về thôn B, xã T, chở thêm 02 chuyến nữa cho hết số vịt trời đã trộm cắp của gia đình anh C và nhốt trong quây sắt trước đó.

Sau khi phát hiện tài sản bị mất, anh Bùi Văn C đã có đơn trình báo, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện K điều tra, làm rõ nội dung vụ việc. Đến ngày 01/10/2021, Nguyễn Văn P đến Công an huyện K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đồng thời tự nguyện giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584; 01 chiếc lồng sắt; 01 quây sắt.

Cùng ngày 01/10/2021, cơ quan điều tra đã tiến hành quản lý tại gia đình anh Đỗ Đình T tổng số 225 con vịt trời, với trọng lượng là 207 kg. Đồng thời cơ quan điều tra cũng yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K định giá số vịt nêu trên.

Tại bản kết luận định giá số 69 ngày 04/10/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: 225 con vịt, loại vịt trời có trọng lượng là 207 kg, tại thời điểm ngày 28/9/2021 có tổng trị giá là 16.560.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra xác định 225 con vịt trời là tài sản hợp pháp của gia đình anh Bùi Văn C nên ngày 01/10/2021, cơ quan điều tra đã trả lại số vịt trên cho anh C. Còn 01 quây sắt, 01 lồng sắt và 01 xe mô tô Yamaha Jupiter màu

đỏ - đen, biển số 89K1 - 5584 được xác định là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Trong quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Văn P đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-KC, ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị cáo: Nguyễn Văn P có mặt và đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra và xin được giảm nhẹ hình phạt được cải tạo tại địa phương, bị cáo có xuất trình đơn xin cải tạo tại địa phương và được chính quyền địa phương xác nhận.

Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị hại là anh Bùi Văn C, tuy nhiên tại cơ quan điều tra anh C khai đã nhận lại đủ số vật bị mất cắp và không yêu bị cáo phải bồi thường gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và mức hình phạt đối với từng bị cáo như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1,2, Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo: Nguyễn Văn P.

Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P, từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 36 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24/01/2022.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp làm ruộng, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, c khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584; trả lại ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584 cho vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị T.

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc lồng sắt; 01 quây sắt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ, tài liệu điều tra đã được thẩm tra công khai, kết quả tranh luận, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của bị hại, người liên quan... và đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng 21 giờ 00 ngày 28/9/2021, tại cánh đồng thôn B, xã T, huyện K, Nguyễn Văn P đã có hành vi trộm cắp 225 con vịt (loại vịt trời), trọng lượng là 207 kg, với tổng trị giá là 16.560.000 đồng của gia đình anh Bùi Văn C sinh năm 1969 ở thôn B, xã T, huyện K. Như vậy, Nguyễn Văn P đã có hành vi trộm cắp 225 con vịt (loại vịt trời), trọng lượng là 207 kg, với tổng trị giá là 16.560.000 đồng, đây là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Bản thân bị cáo là người có sức khỏe, là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân mà đã thực hiện hành vi phạm tội gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Nguyên nhân điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội là do bị cáo lười lao động nhưng vẫn muốn có tiền tiêu xài cá nhân. Ngoài ra, một phần cũng do người bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, Do vậy, cần xét xử bị cáo nghiêm khắc và phải có hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đáp ứng được yêu cầu phòng ngừa tội phạm nói C và cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định một hình phạt phù hợp với bị cáo.

Nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do đó Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Bị cáo P đã tự nguyện trả lại số vịt trời cho bị hại nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn P thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn hối cải.

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo P được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn P đã tự ra đầu thú và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin cải tạo tại địa phương và được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Nguyễn Văn P được hưởng thêm một tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Bị cáo Nguyễn Văn P có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thật thà ăn năn hối cải, đã tự nguyện khắc phục thiệt hại; bị cáo P đã ra đầu thú và có đơn xin được cải tạo tại địa phương và được chính quyền địa phương xác nhận, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và phải chịu một thời gian thử thách dưới sự giám sát của chính quyền địa phương để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đồng thời vẫn đảm bảo được mục đích tác dụng của hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp chính là làm ruộng thu nhập thấp, phạm tội do bột phát vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Bùi Văn C vắng mặt, tuy nhiên tại Cơ quan điều tra anh C đã nhận lại toàn bộ số vệt bị mất trộm và không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường, vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án:

Các vật chứng mà cơ quan điều tra thu giữ gồm: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584;.

-01 chiếc lồng sắt; 01 quây.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584, quá trình điều tra xác định xe mang tên Nguyễn Văn P, đầu năm 2008, P mua chiếc xe này tại một cửa hàng mua bán xe máy không nhớ địa chỉ cụ thể ở khu vực thành phố H để làm phương tiện đi lại hàng ngày; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tra cứu trong hệ thống cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng, kết quả: Chiếc xe không có trong cơ sở dữ liệu xe máy vật chứng; do đó xác định đây là xe thuộc sở hữu của Nguyễn Văn P, và P đã sử dụng chiếc xe này vào làm phương tiện phạm tội. Nhưng chiếc xe này lại là tài sản C của vợ chồng. Vì vậy, cần cho tịch thu sung công quỹ nhà nước ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584; trả lại cho chị Nguyễn Thị T ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584; theo điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Đối với 01 chiếc lồng sắt; 01 quây sắt đây cũng là công cụ phương tiện phạm tội hết giá trị sử dụng nên tịch thu cho tiêu hủy theo điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Đối với anh Đỗ Đình T trú tại thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh H. Quá trình điều tra, xác định, bị cáo P gửi nhờ số vệt trộm cắp được tại mảnh đất cạnh nơi ở của

anh T, anh T không biết số vệt trời đó là do P trộm cắp mà có, cũng không được hưởng lợi gì. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện K không có căn cứ xử lý đối với anh Đỗ Đình T, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Đối với chị Nguyễn Thị T trú tại thôn Q, xã M, huyện Y, tỉnh H là vợ của bị cáo Nguyễn Văn P, chị T không biết số vệt trời là do bị cáo P trộm cắp mà có và chị cũng không được hưởng lợi gì. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện K không có căn cứ xử lý đối với chị Nguyễn Thị T, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s, h khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 92 Luật THAHS năm 2019.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Văn P 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án ngày 24/01/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân xã M giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a, b khoản 2, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584; trả lại ½ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 89K5 – 5584 cho vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị T.

Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc lồng sắt; 01 cây sắt.

(Tình trạng như Quyết định chuyển vật chứng số 01/QĐ-VKSKC ngày 20/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K).

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết nơi người vắng mặt cư trú./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận : - Phòng KTNV-THA, Tòa án tỉnh HY.

- VKSND H K.
- CA huyện K.
- UBND huyện K.
- Bị cáo.
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.
- UBND xã M, Y, H.
- Lưu hồ sơ.

Bùi Văn T

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN **K**
TỈNH **H**
---***---
Số: 04/BBNA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

K, ngày 18 tháng 01 năm 2018.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN **K** - TỈNH **H**

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

* Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn T

* Hội thẩm nhân dân: - Ông **Trần Xuân Hòa**.

- Ông **Nguyễn Đức Tuấn**.

Căn cứ vào điều 299 và điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 22/12/2017, tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: “Đánh bạc” đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Tám - Sinh năm 1971.

HKTT: Thôn Dương Trạch, xã T, huyện K, tỉnh H.

2.Họ và tên: Phạm Văn Chính - Sinh năm 1979.

HKTT: Thôn Bãi Sậy 2, xã T, huyện K, tỉnh H.

3.Họ và tên: Nguyễn Văn Thịnh - Sinh năm 1977.

HKTT: Thôn Dương Trạch, xã T, huyện K, tỉnh H.

4.Họ và tên: Nguyễn Văn Doan - Sinh năm 1984.

HKTT: Thôn Dương Trạch, xã T, huyện K, tỉnh H.

Sau khi xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Về tội danh:

Tuyên bố:Các bị cáo Phạm Văn Tám, Phạm Văn Chính, Nguyễn Văn Thịnh và Nguyễn Văn Doan phạm tội “Đánh bạc”.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Về áp dụng điều luật áp dụng:

Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33, Điều 20, Điều 53 BLHS 1999. Đối với bị cáo Phạm Văn Chính.

Khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60, Điều 20, Điều 53 BLHS 1999; khoản 1 Điều 69 Luật THAHS 2010 đối với các bị cáo Phạm Văn Tám, Nguyễn Văn Thịnh và Nguyễn Văn Doan. Riêng bị cáo Tám và Thịnh được áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Bị cáo Tám và bị cáo Doan được áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Về hình phạt xử phạt:

Bị cáo Phạm Văn Chính 01(một) năm tù, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2017 đến ngày 30/11/2017 là 01 tháng 23 ngày. Bị cáo Chính còn phải chấp hành 10 (mười) tháng 07 (bảy) ngày, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Bị cáo Phạm Văn Tám và Nguyễn Văn Doan mỗi bị cáo 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/01/2018.

Bị cáo Nguyễn Văn Thịnh 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01(một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 18/01/2018.

Giao các bị cáo Phạm Văn Tám, Nguyễn Văn Doan và Nguyễn Văn Thịnh cho UBND T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Nếu các bị cáo thay đổi nơi

cư trú trong thời gian thử thách thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự 2010.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Về xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

- Tịch sung công quỹ nhà nước số tiền 6.060.000 đồng, Trả lại cho bị cáo Chính số tiền 4.000.000 đồng số tiền này hiện đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện **K** tại kho bạc Nhà nước huyện **K**.

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếc thảm; Trả lại cho bị cáo Chính 01 điện thoại di động Iphone 5; Trả lại cho bị cáo Doan 01 ví da, 01 điện thoại di động Iphone 6; Trả lại cho bị cáo Thịnh 01 điện thoại di động Xphone. (Tình trạng như Quyết định chuyển vật chứng số 03/QĐ-KSĐT ngày 21/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện **K**).

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Phạm Văn Tám, Phạm Văn Chính, Nguyễn Văn Doan, Nguyễn Văn Thịnh phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

(Kết quả biểu quyết : 3/3)

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo báo cho các bị cáo biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

(Kết quả biểu quyết : 3/3).

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 15 phút cùng ngày. Các thành viên Hội đồng xét xử đã được nghe, đọc và nhất trí ký vào biên bản.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ